

Số:/GPMT-BQL

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày ... tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các KCN thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 37/CV-CNCD ngày 4 tháng 7 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Cơ sở “Nhà máy nước mặt Phú Mỹ” tại Khu công nghiệp (KCN) đô thị Châu Đức;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Nhà máy nước mặt Phú Mỹ” tại KCN đô thị Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy nước mặt Phú Mỹ

1.2. Địa điểm hoạt động: KCN đô thị Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số dự án 6058580156 do Ban quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, chứng nhận lần đầu ngày 12/12/2008, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 06 ngày 03/7/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Mã số doanh nghiệp 3500823617 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, lần đầu ngày 06/11/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 26/10/2023.

1.4. Mã số thuế: 3500823617.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và cung cấp nước sạch từ nguồn nước mặt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích mặt đất sử dụng: 55.263,4 m², trong đó:

+ Giai đoạn I và Giai đoạn II: 35.262 m²;

- Công suất:

+ Giai đoạn I: 50.000 m³/ngày.đêm;

+ Giai đoạn II: 100.000 m³/ngày.đêm.

(Giấy phép môi trường này không bao gồm xây dựng tuyến ống của dự án nằm ngoài ranh giới KCN đô thị Châu Đức và Giấy phép khai thác nước mặt phục vụ cho cơ sở).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng

ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày tháng 7 năm 2024 đến ngày tháng 7 năm 2034).

Điều 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TN&MT tỉnh (b/c);
- UBND huyện Châu Đức;
- Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức (Chủ cơ sở);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- KCN Châu Đức;
- Website Ban QL các KCN (đ/c P/Son);
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, HSMT.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trần Hữu Thông

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa bể lọc và xả cặn bể lắng của hệ thống xử lý nước cấp công suất 50.000 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa bể lọc và xả cặn bể lắng của hệ thống xử lý nước cấp công suất 100.000 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối nhỏ thuộc lưu vực sông Dinh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối nhỏ thuộc lưu vực sông Dinh, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1171772.2363; Y = 436029.0315 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 110 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,1), cụ thể như sau:

STT	Thông số quan trắc	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6-9	06 tháng/ lần	
2	TSS	mg/L	49,5		

STT	Thông số quan trắc	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
3	COD	mg/L	74,25		Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục nước thải (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	29,7		
5	Amoni	mg/L	4,95		
6	Sulfua	mg/L	0,198		
7	Tổng Nitơ	mg/L	19,8		
8	Tổng Photpho	mg/L	3,96		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,95		
10	Clo dư	mg/L	0,99		
11	Coliform	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải của cơ sở

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 21 m³, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng, thu gom xử lý theo quy định.

- Nguồn số 02, nguồn số 03: thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 110 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt: nguồn số 01 → bể tự hoại 03 ngăn → Định kỳ chuyển giao đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý và không thải ra môi trường.

+ Nước thải sản xuất: nguồn số 02 và nguồn số 03 → Bể chứa trung gian → Bể nén bùn → Máy ép bùn → Bể trung hòa điều chỉnh Amoni 1 → Bể trung hòa điều chỉnh Amoni 2 → Xả thải ra suối nhỏ thuộc lưu vực sông Dinh.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Polymer, Javen

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thông qua chương trình giám sát nước thải đầu ra định kỳ hoặc đột xuất, lập tức ngưng vận hành và ngừng thoát nước thải vào nguồn tiếp nhận. Phần nước thải sẽ được lưu trữ tại các bể trung hòa điều chỉnh amoni để xử lý. Khi các bể chứa đầy (không quá ngưỡng an toàn của bể) mà vẫn chưa khắc phục được sự cố Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát lưu lượng nước thải hàng ngày; Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành phù hợp; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy trình vận hành và hướng dẫn của đơn vị thiết kế.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý nước thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi các thiết bị xử lý nước thải thải hư hỏng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 110 m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu nước thải: Tại bể trung gian chứa nước thải đầu vào và điểm cuối của đường ống xả thải (quan trắc nước thải đầu ra).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của Trạm xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường theo quy định. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào Suối nhỏ thuộc lưu vực sông Dinh, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành

thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Ban Quản lý các KCN, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ nhà kho lưu chứa hoá chất Clo, với lưu lượng khoảng 5.000 m³/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 800KVA, với lưu lượng khoảng 2.112,5 m³/giờ.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 2.000KVA, với lưu lượng khoảng 6.548,75 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty tại Khu công nghiệp đô thị Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107^o 45' múi chiều 3^o).

Dòng khí thải	Ống khói tương ứng	Tọa độ vị trí xả khí thải		Lưu lượng xả lớn nhất (m ³ /h)	Chế độ xả
		X	Y		
Dòng khí thải số 01	Tương ứng với ống khói thải sau xử lý của hệ thống xử lý hơi Clo (nguồn số 01)	1171710.346	436137.658	5.000	Xả gián đoạn, khi có sự cố rò rỉ hơi clo
Dòng khí thải số 02	Tương ứng với ống khói thải của máy phát điện dự phòng 800KVA (nguồn số 02)	1171633.991	436223.235	2.112,5	Xả gián đoạn khi sự cố mất điện
Dòng khí thải số 03	Tương ứng với ống khói thải của máy phát điện dự phòng 2.000KVA (nguồn số 03)	1171610.568	436097.347	6.548,75	

2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
Dòng thải số 01				Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
01	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
02	Clo	mg/Nm ³	10		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải, tự động liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ nhà kho lưu chứa hoá chất Clo được thu gom qua đường ống dẫn về hệ thống xử lý hơi clo để xử lý.

- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng 800KVA xả trực tiếp ra môi trường không khí.

- Nguồn số 03: Khí thải máy phát điện dự phòng 2.000KVA xả trực tiếp ra môi trường không khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt công nghệ xử lý:

+ Khí thải Clo → Quạt hút → Tháp trung hòa → Ống xả thải → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi các thiết bị xử lý khí thải hư hỏng.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2. Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI
TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Trạm bơm giai đoạn I;
- Nguồn số 02: Trạm bơm giai đoạn II;
- Nguồn số 03: Khu vực vực phát điện dự phòng 800kVA;
- Nguồn số 04: Khu vực vực phát điện dự phòng 2.000kVA;
- Nguồn số 05: Khu vực ép bùn;
- Nguồn số 06: Khu vực kho chứa và xử lý khí thải Clo.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 có tọa độ: X = 1171613.446; Y = 436201.310;
- Nguồn số 02 có tọa độ: X = 1171606.813; Y = 436134.121;
- Nguồn số 03 có tọa độ: X = 1171634.601; Y = 436225.667;
- Nguồn số 04 có tọa độ: X = 1171607.183; Y = 436100.077;
- Nguồn số 05 có tọa độ: X = 1171788.463; Y = 436095.856;
- Nguồn số 06 có tọa độ: X = 1171712.486; Y = 436143.133.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107^o45' múi chiều 3^o)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Tần suất quan	Ghi chú
----	---	---------------	---------

	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	trắc định kỳ	
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.

- Làm việc theo chế độ ca kíp, tránh để người làm việc tiếp xúc quá thời gian quy định trong độ ồn cao.

- Trang bị trang thiết bị bảo hộ, chống ồn cá nhân cho công nhân; Đảm bảo diện tích cây xanh theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Chất hấp thụ, giẻ lau	Rắn	18 02 01	35	KS
2	Dầu động cơ, hộp số thải	Lỏng	17 02 03	28	NH
3	Hộp mực in	Rắn	08 02 04	8	KS
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	13	NH
5	Bộ lọc dầu	Rắn	15 01 02	35	NH
6	Các loại chất thải dễ cháy khác	Rắn	19 12 05	40	KS
7	Hóa chất phòng thí nghiệm	Lỏng	19 05 02	5	KS
8	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ	Lỏng	19 12 01	50,4	KS
Tổng khối lượng				214,4	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy vụn, bao bì, thùng carton	Rắn	18 01 05	500	TT
2	Bùn thải	Rắn	12 10 02	180.000	TT
Tổng khối lượng				180.500	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	1.440
	Tổng khối lượng	1.440

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy, can có nắp đậy và bao bì.

2.1.2. Khu vực lưu trữ

- Khu vực chứa chất thải nguy hại: diện tích 4,725 m²

- Thiết kế, cấu tạo: tường bao quanh, mái che kín, mặt sàn bê tông (bố trí các khay tấm bằng tấm Inox 304, có gờ bao quanh khay, thiết bị gom chất thải lỏng khi có sự cố), dán nhãn theo mã chất thải, gắn biển báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các bao Jumbo, thùng chứa bằng kim loại

2.2.2. Khu vực lưu chứa

+ Khu vực chứa bùn: 32 m².

+ Khu vực chứa chất thải thông thường: diện tích 2,7 m²

+ Thiết kế, cấu tạo: tường bao quanh, mái che kín, nền bê tông, chống thấm, gắn biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: không bố trí

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó

sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI THƯỜNG ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 77/QĐ-BQL-MT ngày 17/8/2011 của Ban Quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy nước mặt Phú Mỹ, giai đoạn I công suất 50.000 m³/ngày.đêm” tại KCN Châu Đức và Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy nước mặt Phú Mỹ, giai đoạn II công suất 100.000 m³/ngày.đêm” tại KCN đô thị Châu Đức, trong đó có một số nội dung thay đổi so với Quyết định nêu trên đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

5. Thực hiện trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, sản phẩm theo quy định tại điều 72 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Điều 24 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT./.